



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 31 tháng 3 năm 2023**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp**

3700381324

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 27 tháng 3 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Phước Vũ  
Ông Trần Ngọc Chu  
Ông Trần Quốc Trí  
Ông Lý Văn Xuân  
Ông Nguyễn Văn Luân  
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Quốc Trí  
Ông Vũ Văn Thanh  
Ông Hoàng Đức Huy  
Ông Trần Quốc Phẩm  
Ông Nguyễn Ngọc Huy  
Ông Trần Thành Nam  
Ông Nguyễn Tấn Hòa  
Ông Nguyễn Minh Phúc

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Quyền Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện  
theo pháp luật**

Ông Lê Phước Vũ  
Ông Trần Ngọc Chu  
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Số 9, Đại lộ Thống Nhất,  
Khu Công nghiệp Sóng Thần II  
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An  
Tỉnh Bình Dương  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



*Trần Ngọc Chu*  
*Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2023



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 5 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00214-23-1



Phạm Thị Hoàng Anh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3434-2022-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Lệ Hằng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3782-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 5 năm 2023



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2023**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>12.244.732.213.145</b>	<b>12.258.434.228.464</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>245.785.573.953</b>	<b>242.815.476.591</b>
Tiền	111		245.035.573.953	242.065.476.591
Các khoản tương đương tiền	112		750.000.000	750.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	123	15(a)	20.000.000.000	5.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.751.269.470.265</b>	<b>8.315.127.736.295</b>
Phải thu của khách hàng	131	7(a)	7.423.125.916.104	7.934.070.297.881
Trả trước cho người bán	132	8	198.769.093.131	95.559.044.734
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	140.164.239.911	299.205.562.269
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7(c)	(10.789.778.881)	(13.707.168.589)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>3.570.829.496.840</b>	<b>3.185.372.278.891</b>
Hàng tồn kho	141		3.631.759.471.645	3.377.955.693.089
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(60.929.974.805)	(192.583.414.198)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>656.847.672.087</b>	<b>510.118.736.687</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	113.759.207.227	94.748.267.020
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	411.964.099.685	286.790.842.330
Thuế phải thu Nhà nước	153	19(c)	131.124.365.175	128.579.627.337

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>5.075.660.595.792</b>	<b>5.118.727.087.531</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>152.404.291.600</b>	<b>241.195.291.600</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	-	70.700.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	152.404.291.600	170.495.291.600
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.091.339.971.054</b>	<b>1.198.450.061.079</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	906.064.716.865	1.014.508.752.822
Nguyên giá	222		3.822.737.533.921	3.794.307.134.043
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.916.672.817.056)	(2.779.798.381.221)
Tài sản cố định vô hình	227	13	185.275.254.189	183.941.308.257
Nguyên giá	228		267.804.943.079	259.431.861.261
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(82.529.688.890)	(75.490.553.004)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>107.202.146.958</b>	<b>106.037.865.309</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	107.202.146.958	106.037.865.309
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.589.004.397.261</b>	<b>3.393.850.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251	15(b)	3.588.004.397.261	3.377.850.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15(a)	1.000.000.000	16.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>135.709.788.919</b>	<b>179.193.869.543</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	90.386.129.158	69.639.780.740
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	45.323.659.761	109.554.088.803
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>17.320.392.808.937</b>	<b>17.377.161.315.995</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>6.422.027.342.828</b>	<b>6.210.033.388.769</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.406.517.691.460</b>	<b>6.195.799.689.582</b>
Phải trả người bán	311	18	2.205.000.781.707	1.970.635.586.928
Người mua trả tiền trước	312		216.586.181.944	176.845.202.295
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19(a)	116.762.130.999	5.275.868.275
Phải trả người lao động	314		39.133.279.217	64.245.590.725
Chi phí phải trả	315	20	102.683.672.427	207.561.319.455
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	23.508.503.458	18.979.145.366
Vay ngắn hạn	320	22	3.504.681.384.882	3.545.557.150.716
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	198.161.756.826	206.699.825.822
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.509.651.368</b>	<b>14.233.699.187</b>
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	14.800.151.368	13.524.199.187
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>10.898.365.466.109</b>	<b>11.167.127.927.226</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>10.898.365.466.109</b>	<b>11.167.127.927.226</b>
Vốn cổ phần	411	26	5.980.549.860.000	5.980.549.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.980.549.860.000	5.980.549.860.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	157.292.539.068
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		150.291.788.900	187.499.009.876
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.610.231.278.141	4.841.786.518.282
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		4.817.909.091.919	4.793.615.960.838
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		(207.677.813.778)	48.170.557.444
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>17.320.392.808.937</b>	<b>17.377.161.315.995</b>

Ngày 24 tháng 5 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt:




Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023**

**Mẫu B 02a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	24.632.681.403.063	49.783.380.899.730
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	64.515.126.617	78.697.751.922
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>24.568.166.276.446</b>	<b>49.704.683.147.808</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	23.515.762.832.323	47.039.891.620.046
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.052.403.444.123</b>	<b>2.664.791.527.762</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	105.811.629.579	126.294.825.641
Chi phí tài chính	22	31	178.799.975.104	124.704.636.620
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		96.238.845.958	70.044.199.131
Chi phí bán hàng	25	32	1.028.500.773.077	1.956.112.970.486
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	123.798.910.918	190.969.060.492
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(172.884.585.397)</b>	<b>519.299.685.805</b>
Thu nhập khác	31	34	31.096.798.980	4.387.775.723
Chi phí khác	32		122.618.565	1.485.290.644
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>30.974.180.415</b>	<b>2.902.485.079</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(141.910.404.982)</b>	<b>522.202.170.884</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	1.536.979.754	120.429.219.344
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	36	64.230.429.042	(7.543.780.388)
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(207.677.813.778)</b>	<b>409.316.731.928</b>

Ngày 24 tháng 5 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(141.910.404.982)</b>	<b>522.202.170.884</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		157.240.350.889	142.086.258.585
Các khoản dự phòng	03		(119.587.708.331)	(41.501.923.842)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(10.656.756.441)	1.519.071.245
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.880.639.248)	(8.786.693.944)
Chi phí lãi vay	06		96.238.845.958	70.044.199.131
<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(27.556.312.155)</b>	<b>685.563.082.059</b>
Biến động các khoản phải thu	09		275.533.755.095	(399.371.672.013)
Biến động hàng tồn kho	10		(264.148.948.224)	968.301.542.758
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		470.173.036.313	(2.545.661.432.683)
Biến động chi phí trả trước	12		(4.163.768.407)	(30.887.436.425)
			<b>449.837.762.622</b>	<b>(1.322.055.916.304)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(96.386.470.943)	(75.269.272.626)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.461.479.656)	(239.848.950.148)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(69.622.716.335)	(40.962.684.410)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>282.367.095.688</b>	<b>(1.678.136.823.488)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(136.041.211.843)	(183.986.303.266)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		9.778.984.428	3.196.538.040
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(17.000.000.000)	(1.500.000.000)
Tiền thu hồi từ khoản trái phiếu	24		15.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25		(130.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức	27		8.056.410.470	230.864.855.222
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(250.205.816.945)</b>	<b>48.575.089.996</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		8.517.766.698.140	20.520.087.491.105
Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.558.642.463.974)	(19.093.669.891.802)
Tiền trả cổ tức	36		-	(6.128.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(40.875.765.834)</b>	<b>1.426.411.470.803</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(8.714.487.091)</b>	<b>(203.150.262.689)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>242.815.476.591</b>	<b>406.017.139.417</b>
<b>Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>11.684.584.453</b>	<b>26.545.543.669</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>245.785.573.953</b>	<b>229.412.420.397</b>

Ngày 24 tháng 5 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty có 9 công ty con và 1 công ty liên kết (1/10/2022: 9 công ty con và 1 công ty liên kết) như được liệt kê tại Thuyết minh 15(b).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty có 5.331 nhân viên (1/10/2022: 5.678 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để hiểu tổng quát tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	5 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bảng hiệu quảng cáo**

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí thuê**

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trả trước theo hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

**(iv) Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

## **4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, vật liệu xây dựng và các sản phẩm liên quan. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

## **5. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 1 tháng 10 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 31 tháng 3 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	<b>Bộ phận chia theo khu vực địa lý</b>		
	<b>Trong nước</b> VND	<b>Nước ngoài</b> VND	<b>Tổng</b> VND
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>			
<b>ngày 31 tháng 3 năm 2023</b>			
Doanh thu thuần	19.191.816.799.866	5.376.349.476.580	24.568.166.276.446
Giá vốn	(18.421.129.405.672)	(5.094.633.426.651)	(23.515.762.832.323)
	770.687.394.194	281.716.049.929	1.052.403.444.123
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>			
<b>ngày 31 tháng 3 năm 2022</b>			
Doanh thu thuần	33.568.985.033.557	16.135.698.114.251	49.704.683.147.808
Giá vốn	(32.802.884.566.325)	(14.237.007.053.721)	(47.039.891.620.046)
	766.100.467.232	1.898.691.060.530	2.664.791.527.762



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Tiền mặt	13.252.495.000	15.584.046.000
Tiền gửi ngân hàng	231.696.713.953	226.481.430.591
Tiền đang chuyển	86.365.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	750.000.000	750.000.000
	245.785.573.953	242.815.476.591

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 4,6% đến 5,1% (1/10/2022: từ 3,3% đến 4,6%).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 750 triệu VND (1/10/2022: 750 triệu VND) được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương.

**7. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.932.108.880.449	2.652.930.737.630
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	1.807.725.051.585	2.422.283.777.755
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	1.065.652.103.944	403.645.299.396
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	905.896.020.122	864.997.781.220
Các khách hàng khác	1.711.743.860.004	1.590.212.701.880
	7.423.125.916.104	7.934.070.297.881



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Các công ty con</i></b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.932.108.880.449	2.652.930.737.630
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	1.807.725.051.585	2.422.283.777.755
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	1.065.652.103.944	403.645.299.396
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	905.896.020.122	864.997.781.220
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	451.061.593.965	607.338.753.185
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	355.451.903	917.618.361
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	18.079.566	5.254.326.475
<b><i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i></b>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	142.140.010.041	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty con và 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/3/2023				1/10/2022			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Thương Mại Xây Dựng Mê Kông	-	-	-	-	Trên 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Công ty TNHH Hai Thủy	-	-	-	-	Trên 6 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Công ty TNHH Thế Xây Dựng Hiệp Loan	-	-	-	-	Trên 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	-	-	-	-	Trên 6 năm Từ 2 đến trên 5 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
Các khách hàng khác	Dưới 1 năm	10.789.778.881	(10.789.778.881)	-	-	8.246.557.128	(8.246.557.128)	-
		<u>10.789.778.881</u>	<u>(10.789.778.881)</u>	-		<u>13.707.168.589</u>	<u>(13.707.168.589)</u>	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31/3/2023</b>	<b>31/3/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	13.707.168.589	13.731.284.589
Dự phòng trích lập trong kỳ	10.789.778.881	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(13.707.168.589)	
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(131.953.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.789.778.881	13.599.331.589

**8. Trả trước cho người bán**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	38.568.558.907	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	748.133.570	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	80.000.000	-
<b>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</b>		
Công ty TNHH Tổ chức Biểu diễn Nghệ thuật và Hòa nhạc Quốc tế Hoa Sen	11.000.000.000	-
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Cơn Mưa Nhỏ	44.488.678.059	9.445.374.912
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Trung Nguyên	8.000.000.000	15.600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT	23.242.241.993	300.000
Các nhà cung cấp khác	72.641.480.602	70.513.369.822
	<hr/>	<hr/>
	198.769.093.131	95.559.044.734

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Phải thu về cho vay dài hạn**

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Phải thu về cho vay Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái – công ty con	-	70.700.000.000

Biến động khoản phải thu về cho vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
Số dư đầu kỳ	70.700.000.000	-
Tăng trong kỳ	2.000.000.000	1.500.000.000
Chuyển đổi thành vốn góp vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	(72.700.000.000)	-
Chuyển từ phải thu về cho vay ngắn hạn	-	68.000.000.000
Số dư cuối kỳ	-	69.500.000.000

**10. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Tạm ứng để mua đất	53.832.470.000	53.832.470.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	32.995.045.800	32.995.045.800
Tạm ứng cho người lao động	25.516.954.331	31.942.549.257
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	10.345.169.668	1.631.088.893
Phải thu về lợi nhuận được chia	-	154.371.185.341
Phải thu lãi cho vay	-	5.248.575.343
Phải thu khác	4.655.825.112	6.365.872.635
	140.164.239.911	299.205.562.269



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

***Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan***

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>Các công ty con</i></b>		
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	22.522.500	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	-	59.919.400.868
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	-	55.113.744.672
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	-	32.534.930.981
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	-	6.803.108.820
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	-	5.248.575.343
<b><i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i></b>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.100.000.000	1.448.000.000
<b><i>Nhân sự chủ chốt</i></b>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.462.225.000

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đặt cọc thuê mặt bằng	139.404.291.600	161.495.291.600
Đặt cọc khác	13.000.000.000	9.000.000.000
	152.404.291.600	170.495.291.600



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Hàng tồn kho**

	31/3/2023		1/10/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	270.730.506.597	-	114.509.419.480	-
Nguyên vật liệu	786.439.688.100	(13.595.843.743)	477.122.815.899	(37.069.055.231)
Công cụ và dụng cụ	161.642.568.038	-	172.405.446.071	-
Thành phẩm dở dang	-	-	4.834.046	-
Thành phẩm	1.155.218.984.056	(12.092.788.713)	1.109.718.290.205	(84.128.944.549)
Hàng hóa	1.257.727.724.854	(35.241.342.349)	1.504.194.887.388	(71.385.414.418)
	<b>3.631.759.471.645</b>	<b>(60.929.974.805)</b>	<b>3.377.955.693.089</b>	<b>(192.583.414.198)</b>

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 2.121.566 triệu VND (1/10/2022: 2.016.477 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
Số dư đầu kỳ	192.583.414.198	80.458.082.586
Dự phòng trích lập trong kỳ	46.086.998.853	1.872.902.886
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(177.740.438.246)	(43.653.779.357)
Số dư cuối kỳ	<b>60.929.974.805</b>	<b>38.677.206.115</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	774.658.362.424	2.600.845.969.583	320.216.460.166	76.375.572.729	22.210.769.141	3.794.307.134.043
Tăng trong kỳ	183.683.406	5.268.459.204	1.515.536.364	-	9.597.000	6.977.275.974
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	26.592.095.366	2.479.433.354	1.935.729.948	-	8.130.113.152	39.137.371.820
Thanh lý	-	(16.383.896.042)	-	-	-	(16.383.896.042)
Xóa sổ	(760.529.422)	(539.822.452)	-	-	-	(1.300.351.874)
Số dư cuối kỳ	800.673.611.774	2.591.670.143.647	323.667.726.478	76.375.572.729	30.350.479.293	3.822.737.533.921
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	321.215.298.917	2.145.683.170.378	236.097.412.843	55.019.104.849	21.783.394.234	2.779.798.381.221
Khấu hao trong kỳ	34.010.131.241	93.252.681.373	17.534.433.290	4.585.282.964	818.686.135	150.201.215.003
Thanh lý	-	(12.320.567.388)	-	-	-	(12.320.567.388)
Xóa sổ	(657.410.820)	(348.800.960)	-	-	-	(1.006.211.780)
Số dư cuối kỳ	354.568.019.338	2.226.266.483.403	253.631.846.133	59.604.387.813	22.602.080.369	2.916.672.817.056
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	453.443.063.507	455.162.799.205	84.119.047.323	21.356.467.880	427.374.907	1.014.508.752.822
Số dư cuối kỳ	446.105.592.436	365.403.660.244	70.035.880.345	16.771.184.916	7.748.398.924	906.064.716.865

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 1.493.901 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (1/10/2022: 1.175.749 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 146.392 triệu VND (1/10/2022: 193.584 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	200.234.842.108	59.197.019.153	259.431.861.261
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	8.373.081.818	8.373.081.818
Số dư cuối kỳ	200.234.842.108	67.570.100.971	267.804.943.079
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	33.977.518.763	41.513.034.241	75.490.553.004
Khấu hao trong kỳ	1.271.477.484	5.767.658.402	7.039.135.886
Số dư cuối kỳ	35.248.996.247	47.280.692.643	82.529.688.890
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	166.257.323.345	17.683.984.912	183.941.308.257
Số dư cuối kỳ	164.985.845.861	20.289.408.328	185.275.254.189

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 456 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (1/10/2022: 456 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 65.441 triệu VND (1/10/2022: 65.802 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	19.861.020.702	11.992.798.137
Chi phí xây dựng và nâng cấp của dự án Hoa Sen Home	63.375.011.666	73.383.240.019
Sửa chữa lớn tài sản cố định	11.712.854.126	13.119.891.601
Phần mềm máy tính chờ lắp đặt	10.130.962.700	6.696.412.700
Các công trình khác	2.122.297.764	845.522.852
	107.202.146.958	106.037.865.309

Biến động xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31/3/2023</b>	<b>31/3/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	106.037.865.309	180.277.059.193
Tăng trong kỳ	84.268.255.505	132.300.783.988
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(39.137.371.820)	(68.299.910.269)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(8.373.081.818)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(33.585.295.440)	(12.895.653.675)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(2.008.224.778)	(419.268.519)
	107.202.146.958	230.963.010.718

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn*

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	20.000.000.000	5.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VND tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn hưởng lãi suất năm từ 4% - 7,5% (1/10/2022: 4%).

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn*

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	-	15.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
	1.000.000.000	16.000.000.000

(\*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

(\*\*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng (Agribank, Vietcombank, Vietinbank và BIDV) cộng biên độ hàng năm là 1,2%.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/3/2023		1/10/2022			
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Đầu tư vào các công ty con</b>						
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	100%	1.100.000.000.000	-	100%	1.100.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100%	770.000.000.000	-	100%	770.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	100%	280.000.000.000	-	100%	280.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	100%	380.000.000.000	-	100%	250.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	100%	200.000.000.000	-	100%	200.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	99,95%	299.850.000.000	-	99,95%	299.850.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	100%	105.000.000.000	-	100%	105.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	95,962%	403.154.397.261	-	95%	323.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	100%	50.000.000.000	-	100%	50.000.000.000	-
		<b>3.588.004.397.261</b>	<b>-</b>		<b>3.377.850.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (i)	-	-	-	-	-	-
		<b>3.588.004.397.261</b>	<b>-</b>		<b>3.377.850.000.000</b>	<b>-</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, trong đó Công ty nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

Biến động của khoản đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
Số dư đầu kỳ	3.377.850.000.000	3.228.000.000.000
Tăng đầu tư vào công ty con bằng tiền	130.000.000.000	-
Tăng đầu tư vào công ty con theo hình thức chuyển đổi khoản phải thu về cho vay dài hạn	72.700.000.000	-
Tăng đầu tư vào công ty con theo hình thức chuyển đổi khoản phải thu lãi cho vay dài hạn	7.454.397.261	-
Số dư cuối kỳ	3.588.004.397.261	3.228.000.000.000

## 16. Chi phí trả trước

### (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Chi phí thuê trả trước	78.649.715.002	64.585.607.908
Chi phí quảng cáo	13.739.092.979	7.532.677.931
Công cụ và dụng cụ	8.504.082.751	8.433.302.530
Chi phí sửa chữa	4.225.448.551	4.186.028.112
Phí bảo hiểm	564.558.193	2.156.343.069
Chi phí tư vấn	1.389.867.866	188.404.107
Chi phí khác	6.686.441.885	7.665.903.363
	113.759.207.227	94.748.267.020



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảng hiệu quảng cáo	34.434.572.437	25.604.930.564
Công cụ và dụng cụ	24.418.239.972	18.132.685.548
Chi phí sửa chữa	17.917.167.885	10.989.601.459
Chi phí thuê trả trước	7.277.612.785	10.596.319.316
Chi phí khác	6.338.536.079	4.316.243.853
	90.386.129.158	69.639.780.740

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31/3/2023</b>	<b>31/3/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	69.639.780.740	38.680.005.935
Tăng trong kỳ	12.641.563.823	21.296.106.601
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	33.585.295.440	12.895.653.675
Phân bổ trong kỳ	(24.978.793.898)	(15.656.172.823)
Thanh lý	(501.716.947)	(42.918.923)
	90.386.129.158	57.172.674.465

**17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả)			
▪ Chi phí phải trả	20%	24.899.892.334	72.253.284.528
▪ Các khoản dự phòng	20%	17.303.981.011	41.258.116.558
▪ Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	20%	5.204.467.768	(3.957.312.283)
▪ Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	20%	(2.084.681.352)	-
		45.323.659.761	109.554.088.803

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	396.689.898.610	458.751.657.862
Công ty TNHH Thép Vương	353.038.679.828	-
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	333.915.549.231	-
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	259.780.812.281	484.333.050.520
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	-	466.964.809.368
Các nhà cung cấp khác	861.575.841.757	560.586.069.178
	<hr/>	
	2.205.000.781.707	1.970.635.586.928
	<hr/>	

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty con</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	396.689.898.610	458.751.657.862
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	128.723.165.902	205.051.386.730
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	15.924.562.074	47.205.825.100
Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen	731.728.783	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	-	466.964.809.368
<b>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</b>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	536.431.332	517.408.886
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	58.352.602	86.963.661
	<hr/>	

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty con và 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thuế**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/10/2022 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	Số phân loại lại VND	31/3/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.757.214.460	2.324.164.371.939	(146.635.876.519)	(2.064.407.821.896)	-	115.877.887.984
Thuế xuất nhập khẩu	79.574.109	227.615.887	(300.447.245)	-	-	6.742.751
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.536.979.754	(1.461.479.656)	(75.500.098)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.439.079.706	13.202.255.840	(18.153.608.707)	-	2.621.187.305	108.914.144
Các loại thuế khác	-	4.265.644.507	(3.496.109.018)	(949.369)	-	768.586.120
	5.275.868.275	2.343.396.867.927	(170.047.521.145)	(2.064.484.271.363)	2.621.187.305	116.762.130.999

**(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/10/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	Số được hoàn VND	31/3/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	286.790.842.330	2.565.661.079.251	(2.064.407.821.896)	(376.080.000.000)	411.964.099.685

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/10/2022 VND	Số đã cân trừ VND	Số phân loại lại VND	31/3/2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	128.573.872.546	(75.500.098)	-	128.498.372.448
Thuế thu nhập cá nhân	4.805.422	-	2.621.187.305	2.625.992.727
Các loại thuế khác	949.369	(949.369)	-	-
	128.579.627.337	(76.449.467)	2.621.187.305	131.124.365.175



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương và thưởng	77.806.827.745	175.807.342.057
Chi phí vận chuyển	3.834.740.950	8.772.973.606
Xây dựng cơ bản dở dang	5.742.971.219	5.981.920.235
Chi phí lãi vay	2.994.436.471	3.142.061.456
Chi phí tiền điện	8.439.909.921	10.580.760.500
Chi phí khác	3.864.786.121	3.276.261.601
	102.683.672.427	207.561.319.455
	102.683.672.427	207.561.319.455

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.055.357.502	4.533.857.502
Cổ tức phải trả	3.546.546.977	3.546.546.977
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	3.398.397.992	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	530.174.460	1.807.923.260
và kinh phí công đoàn	7.978.026.527	9.090.817.627
Phải trả khác	-	-
	23.508.503.458	18.979.145.366
	23.508.503.458	18.979.145.366



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**22. Vay ngắn hạn**

	1/10/2022	Biến động trong kỳ	31/3/2023
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Vay VND	Trả nợ vay VND
Vay ngắn hạn	3.545.557.150.716	8.517.766.698.140	(8.558.642.463.974)
			3.504.681.384.882

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	1.566.948.615.594	67.760.505.201
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	-	1.299.533.881.430
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	1.811.844.214.371	1.338.014.916.558
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	-	151.710.297.416
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iii)	VND	78.888.554.917	421.607.418.953
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(iv)	VND	-	266.930.131.158
▪ Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(v)	VND	47.000.000.000	-
			<b>3.504.681.384.882</b>	<b>3.545.557.150.716</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	31/3/2023	Lãi suất	1/10/2022	Tài sản đảm bảo
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND	4.000 tỷ VND	6,00% - 6,80%	3,86% - 4,10%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, các khoản phải thu và hàng tồn kho	
	USD		-	2,50%		
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND	2.400 tỷ VND	5,90% - 7,00%	4,50% - 5,0%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho, nhà cửa, vật kiến trúc, các khoản phải thu	
	USD		-	1,60% - 1,90%		

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
iii. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	60 triệu USD	6,80% 4,30% - 5,0%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, một công ty con
iv. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	23 triệu USD	- 4,30% - 5,20%	Hàng tồn kho
v. Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	10 triệu USD	4,13%	- Hàng tồn kho





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	206.699.825.822	75.028.510.629
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	10.053.653.206	172.540.289.352
Sử dụng quỹ trong kỳ	(18.591.722.202)	(13.809.460.489)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	198.161.756.826	233.759.339.492

### **24. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.524.199.187	12.943.057.267
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.275.952.181	410.905.629
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	14.800.151.368	13.353.962.896

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2021</b>	4.934.818.960.000	157.292.539.068	90.695.201.265	6.135.844.836.973	11.318.651.537.306
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	409.316.731.928	409.316.731.928
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(172.540.289.352)	(172.540.289.352)
Phân bổ vào quỹ (iii)	-	-	172.965.686.783	(172.965.686.783)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(27.153.223.921)	-	(27.153.223.921)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2022</b>	4.934.818.960.000	157.292.539.068	236.507.664.127	6.199.655.592.766	11.528.274.755.961
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(361.146.174.484)	(361.146.174.484)
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (i)	996.722.900.000	-	-	(996.722.900.000)	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ii)	49.008.000.000	-	-	-	49.008.000.000
Sử dụng các quỹ	-	-	(49.008.654.251)	-	(49.008.654.251)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2022</b>	5.980.549.860.000	157.292.539.068	187.499.009.876	4.841.786.518.282	11.167.127.927.226

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2022</b>	5.980.549.860.000	157.292.539.068	187.499.009.876	4.841.786.518.282	11.167.127.927.226
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(207.677.813.778)	(207.677.813.778)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.053.653.206)	(10.053.653.206)
Phân bổ vào quỹ (iii)	-	-	13.823.773.157	(13.823.773.157)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(51.030.994.133)	-	(51.030.994.133)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2023</b>	5.980.549.860.000	157.292.539.068	150.291.788.900	4.610.231.278.141	10.898.365.466.109



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 29 tháng 9 năm 2022, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 99.672.290 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 4 năm 2022, Công ty đã thông qua và triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (“ESOP”) đối với cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản trị - điều hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen trong năm 2022. Theo đó, Công ty đã phát hành 4.900.800 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.
- (iii) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2022, Công ty đã trích lập 13.824 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022: theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 16 tháng 11 năm 2021, Công ty đã trích lập 172.966 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu kỳ) vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao, hoạt động từ thiện và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị.

## 26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/3/2023		1/10/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	598.054.986	5.980.549.860.000	598.054.986	5.980.549.860.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	598.054.986	5.980.549.860.000	598.054.986	5.980.549.860.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Không có biến động của vốn cổ phần trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	185.054.615.615	190.704.970.814
Từ hai đến năm năm	615.266.225.453	671.436.595.330
Trên năm năm	365.600.042.241	402.599.723.559
	1.165.920.883.309	1.264.741.289.703

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/3/2023</b>		<b>1/10/2022</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.289.467	99.878.604.028	1.907.538	45.263.920.554

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/3/2023</b>	<b>1/10/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký hợp đồng	42.975.982.325	43.430.903.759

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	16.698.473.287.538	36.438.161.730.526
▪ Bán thành phẩm	7.930.462.130.298	13.341.243.150.840
▪ Khác	3.745.985.227	3.976.018.364
	24.632.681.403.063	49.783.380.899.730
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	52.158.610.746	65.610.661.744
▪ Giảm giá hàng bán	7.982.938.664	2.128.091.200
▪ Hàng bán bị trả lại	4.373.577.207	10.958.998.978
	64.515.126.617	78.697.751.922
Doanh thu thuần	24.568.166.276.446	49.704.683.147.808

**29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	16.489.577.231.375	35.052.607.536.925
▪ Thành phẩm đã bán	7.157.152.614.651	12.028.568.463.427
▪ Khác	686.425.690	496.496.165
▪ Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(131.653.439.393)	(41.780.876.471)
	23.515.762.832.323	47.039.891.620.046



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.450.373.568	7.448.254.399
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	1.008.750.000	1.027.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	91.446.515.540	116.869.253.054
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.656.756.441	-
Doanh thu tài chính khác	249.234.030	949.818.188
	105.811.629.579	126.294.825.641
	105.811.629.579	126.294.825.641

**31. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	96.238.845.958	70.044.199.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	81.283.098.678	53.042.503.338
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.519.071.245
Chi phí tài chính khác	1.278.030.468	98.862.906
	178.799.975.104	124.704.636.620
	178.799.975.104	124.704.636.620

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Chi phí xuất khẩu	316.425.694.431	1.139.660.561.863
Chi phí nhân viên	306.283.639.094	406.854.968.289
Chi phí thuê	93.314.146.027	93.179.581.294
Chi phí khấu hao và phân bổ	89.969.373.387	69.353.620.686
Chi phí vận chuyển	65.618.039.051	98.188.651.803
Chi phí quảng cáo	34.806.330.516	37.144.927.864
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.118.000.715	31.474.735.006
Chi phí khác	87.965.549.856	80.255.923.681
	<b>1.028.500.773.077</b>	<b>1.956.112.970.486</b>

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	44.119.318.889	85.027.367.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.702.358.067	39.832.669.963
Chi phí khấu hao và phân bổ	15.106.227.029	15.255.547.661
Chi phí thuê	9.676.515.153	8.792.692.393
Chi phí tiếp khách	6.924.756.654	7.656.847.607
Chi phí công tác	3.692.499.515	1.695.769.035
Chi phí dịch vụ chuyên môn	3.003.818.525	2.973.091.852
Chi phí khác	25.573.417.086	29.735.074.769
	<b>123.798.910.918</b>	<b>190.969.060.492</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Tiền bồi thường thu được	11.068.872.798	315.590.162
Lãi do thanh lý tài sản cố định	5.421.515.680	310.939.545
Các khoản khác	14.606.410.502	3.761.246.016
	<hr/>	<hr/>
	31.096.798.980	4.387.775.723

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	6.861.365.719.071	11.329.523.845.073
Chi phí nhân công và nhân viên	387.125.708.139	533.013.865.026
Chi phí khấu hao và phân bổ	157.240.350.889	142.086.258.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	565.926.919.276	1.443.054.189.157
Chi phí khác	333.031.804.215	354.837.868.971



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	-	120.429.219.344
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.536.979.754	-
	1.536.979.754	120.429.219.344
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và (hoàn nhập) các khoản chênh lệch tạm thời	64.230.429.042	(7.543.780.388)
	65.767.408.796	112.885.438.956

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(141.910.404.982)	522.202.170.884
Thuế theo thuế suất của Công ty	(28.382.080.996)	104.440.434.177
Chi phí không được khấu trừ thuế	8.582.828.834	8.362.823.653
Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	84.029.681.204	82.181.126
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.536.979.754	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.767.408.796	112.885.438.956

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

120  
II N  
IG  
KP  
HỒ

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả) chưa ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả) chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/3/2023		1/10/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	420.148.406.020	84.029.681.204	-	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào năm 2028.

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023 VND	31/3/2022 VND
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	5.800.168.074.259	10.313.548.718.332
Cung cấp dịch vụ gia công	18.092.221	-
Bán khác	-	661.500.605
Mua hàng hóa	5.741.299.682.381	9.333.764.191.731
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Hoa Sen</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	3.969.118.646	1.989.839.094.962
Cho thuê tài sản	100.705.388	66.000.000
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	29.259.772
Cung cấp dịch vụ gia công	-	1.068.181
Bán tài sản cố định	60.000.000	399.981.403
Mua hàng hóa	8.466.238.388	1.786.112.940.734
Mua dịch vụ vận chuyển	2.448.000	-
Thuê tài sản	864.183.720	768.882.618
Hàng bán bị trả lại	-	893.573.967
Trả lại hàng mua	61.440.100	4.149.822

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	7.306.233.497	48.494.648.382
Bán tài sản cố định	153.268.494	2.136.688.455
Cho thuê tài sản	33.000.000	22.000.000
Bán khác	625.747	19.747.239
Mua hàng hóa	636.413.713.943	1.051.029.049.682
Mua dịch vụ gia công	-	12.703.654
Mua dịch vụ vận chuyển	1.307.996.229	12.613.933
Thuê tài sản	375.000.000	-
Trả lại hàng mua, hàng mua được giảm giá	161.834.501	-
Hàng bán bị trả lại	13.859.988	-
Giảm giá hàng bán	22.148.485	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.952.576.051.879	7.177.491.046.357
Cho thuê tài sản	58.020.000	58.020.000
Bán khác	23.100.000	-
Mua hàng hóa	3.045.807.630.521	7.194.054.039.662
Mua dịch vụ gia công	39.454.642.139	41.657.705.906
Mua dịch vụ vận chuyển	1.791.261.573	603.806.977
Mua dịch vụ khác	278.340.866	317.358.760
Thuê tài sản	152.433.522	38.433.522
Trả lại hàng mua	793.150.922	573.357.775
Hàng mua được giảm giá	107.705.459	85.139.340
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội</b>		
<b>- Bình Định</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.079.558.789.339	3.577.868.749.813
Cung cấp dịch vụ gia công	3.160.192	20.348.837
Bán khác	3.000.000	20.000.000
Mua hàng hóa	810.498.575.207	3.480.231.350.477
Mua dịch vụ gia công	17.341.430.717	48.253.646.596
Mua dịch vụ vận chuyển	975.888.431	875.587.731
Mua dịch vụ khác	-	191.314.130
Mua tài sản cố định	805.000.002	-
Thuê tài sản	165.709.678	-
Trả lại hàng mua	122.643.456	1.390.278.215



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31/3/2023</b>	<b>31/3/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	3.117.957.075	14.129.716.436
Cho thuê tài sản	120.600.000	127.200.000
Mua hàng hóa	214.620.425.786	324.384.103.879
Cung cấp dịch vụ gia công	-	31.648.611
Mua dịch vụ vận chuyển	533.359.836	-
Thuê tài sản	213.000.000	48.000.000
Trả lại hàng mua	18.490.680	58.464.828
Hàng mua được giảm giá	-	2.591.615
<b>Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái</b>		
Thu nhập từ tiền lãi	2.205.821.918	2.615.212.329
Cho vay	2.000.000.000	1.500.000.000
Chuyển đổi khoản phải thu về cho vay dài hạn và khoản lãi phải thu từ cho vay dài hạn thành vốn góp vào công ty con	80.154.397.261	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ</b>		
Góp vốn vào công ty con bằng tiền	130.000.000.000	-
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.152.957.972.596	432.466.958.853
Bán tài sản cố định	50.000.000	-
Mua hàng hóa	1.638.037.555.654	107.816.601.247
Thuê tài sản	1.297.904.206	1.500.000.000
Hàng bán bị trả lại	837.927.056	913.475.100
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	105.331.070	-
Mua dịch vụ vận chuyển	93.499.001	-
Hàng mua được giảm giá	4.090.909	-
Trả lại hàng mua	-	474.043.616
Mua dịch vụ khác	-	200.345.454
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái</b>		
Bán thành phẩm và hàng hóa	365.152.322	4.407.958.690
Mua hàng hóa	121.954.775.115	250.259.634.695
Mua dịch vụ vận chuyển	294.898.035	-
Thuê tài sản	60.000.000	-
Trả lại hàng mua	12.363.560	-
Hàng mua được giảm giá	1.673.978	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2023	31/3/2022
	VND	VND
<b>Các công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</b>		
<b>Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.163.999.622.398	1.706.784.846.815
Cho thuê tài sản	2.291.557.814	1.713.375.996
Bán khác	-	139.350.000
Bán tài sản cố định	-	278.700.000
Cung cấp dịch vụ gia công	11.609.534	8.917.568
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	6.344.400	-
Mua dịch vụ vận chuyển	22.020.945.227	29.608.702.974
Mua hàng hóa	155.100.000	-
Mua tài sản cố định	18.000.000	-
Mua dịch vụ gia công	1.898.200	6.068.400
Thuê hoạt động	5.929.371.764	6.565.490.909
Chiết khấu thương mại	41.981.381.627	15.026.104.200
Hàng bán bị trả lại	1.469.778.851	2.662.712.230
Giảm giá hàng bán	5.900.072	-
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An</b>		
Chi phí vận chuyển	172.513.657	46.243.020
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Thù lao</b>		
Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch	252.000.000	252.000.000
Ông Trần Ngọc Chu – Phó Chủ tịch	564.000.000	564.000.000
Ông Trần Quốc Trí – Thành viên	294.000.000	294.000.000
Ông Lý Văn Xuân – Thành viên	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Văn Luân – Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Đinh Việt Duy – Thành viên	150.000.000	150.000.000
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	1.098.852.815	1.400.795.124
<b>Các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương, thưởng và các khoản trợ cấp	7.156.273.241	8.504.081.728

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính**

	31/3/2023 VND	1/10/2022 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	30.862.973.911	93.030.622.427
Cần trừ công nợ phải trả và lợi nhuận được chia	147.568.076.521	2.088.425.817.863
Chuyển đổi khoản phải thu về cho vay dài hạn thành khoản đầu tư vào công ty con	72.700.000.000	-
Chuyển đổi khoản lãi phải thu thành khoản đầu tư vào công ty con	7.454.397.261	-

**39. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 13/NQ/HĐQT/2023 ngày 18 tháng 5 năm 2023, Công ty đã thông qua chủ trương triển khai chi trả cổ tức của niên độ tài chính 2021 – 2022 bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 30/9/2022. Tỷ lệ chi trả cổ tức là 3% trên mệnh giá cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu dự định phát hành là 17.941.649 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**40. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

